

MỘT SỐ CÁCH BIỂU ĐẠT CỦA BIỂU THỨC NGÔN HÀNH TRÌ HOÃN TRONG TIẾNG ANH

ĐINH THỊ KIM CHUNG (*)

Tóm tắt: Nghiên cứu hành động ngôn ngữ là nghiên cứu các cách biểu đạt của hành động ngôn ngữ đó trong hành chức nói năng. Dựa vào lý thuyết về hành động ngôn ngữ, nghiên cứu nhận diện hành động ngôn ngữ trì hoãn trong tiếng Anh qua các phương tiện chỉ dẫn ở lời: các từ ngữ trì hoãn chuyên dụng, và các kết cấu trì hoãn chuyên dụng. Chúng tôi hy vọng rằng những nhận dạng và phân tích này sẽ có những đóng góp bước đầu và góp phần gợi mở cho những nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến hành động ngôn ngữ trì hoãn.

Từ khóa: Hành động ngôn ngữ; hành động ngôn ngữ trì hoãn; biểu thức ngữ vi; các từ ngữ và cấu trúc trì hoãn chuyên dụng.

Abstract: Each speech act has its own performative expressions. This article aimed to identify signs of performative expressions of delayed speech acts in English. Based on the theory of speech acts, the article focused on two signs of delayed performative expressions: specialized functional vocabulary and specialized functional structures. Implications to further research on delayed speech acts were discussed.

Keywords: Speech act; delayed speech act; performative expression, specialized functional vocabulary and structure.

Ngày nhận bài: 15/3/2019; Ngày sửa bài: 21/4/2019; Ngày duyệt đăng bài: 15/5/2019.

1. Đặt vấn đề

Hành động ngôn ngữ⁽¹⁾ (HDNN), với tư cách là một trong những lĩnh vực nghiên cứu trụ cột của Ngữ dụng học (Pragmatics) đã và đang được quan tâm rất nhiều trong thời gian gần đây. Nghiên cứu HDNN chính là việc tìm ra bản chất của hành động nói năng của con người, giúp ngữ dụng học có thể trả lời được câu hỏi: *Mục đích thực sự của một câu nói là gì? Chúng ta làm gì khi chúng ta nói? Chúng ta thực sự nói gì khi chúng ta nói?...* Nghiên cứu về HDNN trì hoãn cũng không nằm ngoài mục đích trên. Trong bài viết này, một số cách biểu đạt của biểu thức ngôn hành trì hoãn, bao gồm: động từ ngôn hành, các từ ngữ chuyên dụng, các kiểu kết cấu câu chuyên dụng sẽ được

chúng tôi tìm hiểu để nhận diện HDNN trì hoãn trong tiếng Anh. Nghiên cứu dựa trên cứ liệu một số tập truyện Harry Potter của tác giả J. K. Rowling.

2. Vị trí của hành động ngôn ngữ trì hoãn trong bức tranh các hành động ngôn ngữ

Theo cách phân loại 5 nhóm HDNN của Searle (1969)⁽²⁾ thì trì hoãn (delay, postpone) là HDNN thuộc nhóm *kết ước* (commissives). Hành động ngôn ngữ trì hoãn là khi người nói S (Speaker) nói với người nghe H (Hearer) sẽ thực hiện hành

(*) NCS. Khoa Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học xã hội; Giảng viên Trường Đại học Kinh tế quốc dân; Email: chungdtk.neu@gmail.com

(1) Còn gọi là hành động lời nói/ hành vi ngôn ngữ/ hành động ngôn từ.

(2) Searle, J. (1969). *Speech Acts*, Cambridge: CUP

động (HD) A (action) nào đó, nhưng không phải tức thời, mà là ở một thời điểm nào đó có thể xác định hoặc không thể xác định trong tương lai với những điều kiện nào đó.

Các điều kiện để thực hiện hành động *tri hoãn* theo Searle⁽³⁾ là:

(i) Điều kiện nội dung mệnh đề: Hành động A đáng lẽ trước thời điểm nói người nói S phải thực hiện, nhưng chưa được thực hiện đối với H hoặc đối với chính S.

(ii) Điều kiện chuẩn bị: S chưa có khả năng thực hiện A. S tin rằng H sẽ chấp nhận lời *tri hoãn*. Và nếu không *tri hoãn* thì cả S và H sẽ không chắc chắn S sẽ thực hiện A vào thời điểm t (time) nào đó trong tương lai.

(iii) Điều kiện chân thành: S mong muốn H sẽ chấp nhận lời *tri hoãn*, S mong muốn A được thực hiện vào thời điểm khác trong tương lai.

(iv) Điều kiện căn bản: Nhằm dẫn H đến việc chấp nhận lời *tri hoãn* của S, lời việc thực hiện A vào t khác trong tương lai.

Từ các điều kiện trên, chúng tôi đưa ra định nghĩa: *Hành động tri hoãn là hành động nhằm làm chậm lại thời gian thực hiện t của một A nào đó đến một thời gian t' (t: là thời gian đáng lẽ A phải xảy ra; t': là thời gian S muốn A diễn ra trong tương lai).*

Cũng theo Searle⁽⁴⁾, tất cả các phát ngôn (xét ở phương diện hành động tạo lời và hành động tại lời) đều có hai thành phần ngữ nghĩa kí hiệu là: F(p). Trong đó (p), viết tắt của từ tiếng Anh "proposition", là nội dung thông tin thường được biểu diễn bằng một nội dung mệnh đề (là sự phản ánh một sự tình khách quan vào phát ngôn bằng cấu trúc vị từ - tham thể, cho nên (p) cũng tương đương với cấu trúc vị từ - tham thể). Còn F là kí hiệu chỉ hiệu lực ở lời (Illocutionary Force) của phát ngôn.

Một phát ngôn có đầy đủ (p) và F hoặc có chứa các dấu hiệu đặc trưng cho một hành động tại lời được gọi là một biểu thức ngôn hành (BTNH). Biểu thức ngôn hành (hay còn gọi là biểu thức tại lời, biểu thức ngôn trung, biểu thức ngôn hành) là một thể thức nói năng cốt lõi do các phương tiện chỉ dẫn hiệu lực tại lời kết hợp với (hoặc không có) nội dung mệnh đề đặc trưng cho một hành động tại lời nào đó. BTNH vừa là sản phẩm vừa là phương tiện của một hành động tại lời. Theo Đỗ Hữu Châu⁽⁵⁾, mỗi BTNH được đánh dấu bằng các dấu hiệu chỉ dẫn nhờ dấu hiệu này mà các BTNH được phân biệt với nhau. Searle gọi các dấu hiệu này là các phương tiện chỉ dẫn hiệu lực ở lời (illocutionary force indicating devices - IFIDs). Các IFIDs này gồm: động từ ngôn hành, các kiểu kết cấu, các từ ngữ chuyên dùng, ngữ điệu, quan hệ giữa các thành tố vị từ - tham thể... Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi tập trung tìm hiểu thể thức nói năng ở lời của hành động *tri hoãn* thông qua ba dấu hiệu *động từ ngôn hành, các kiểu kết cấu, các từ ngữ chuyên dùng*.

3. Một số biểu đạt của biểu thức ngôn hành *tri hoãn*

3.1. Động từ ngôn hành *tri hoãn*

Trong các phương tiện chỉ dẫn hiệu lực ở lời có một loại phương tiện đặc biệt được gọi là động từ ngôn hành (ĐTNH). Đó là những động từ mà khi phát ngôn người nói thực hiện luôn HD ở lời do chúng biểu thị như: hỏi, xin, trả lời, khuyên, hứa, cảm ơn, thể, cảnh cáo... Chẳng hạn có người nói "Tôi xin lỗi anh" thì đối với việc đặt động từ "xin lỗi" vào khuôn hình câu

⁽³⁾ Searle, J. (1969), *Speech Acts*, Cambridge: CUP.

⁽⁴⁾ Searle, J. (1969), *Speech Acts*, Cambridge: CUP.

⁽⁵⁾ Đỗ Hữu Châu (2010), *Đại Cương ngữ học Tập 2*, Nxb. Giáo dục (Tái bản lần thứ 5), tr.92.

"Tôi... anh" người đó đã thực hiện hành vi "xin lỗi" bằng chính cách phát âm động từ "xin lỗi" chứ không thể bằng con đường nào khác.

Tuy nhiên, không phải bao giờ một ĐTNH cũng luôn được dùng với chức năng ngữ hành. Austin cho rằng ĐTNH chỉ có hiệu lực ngôn hành với các điều kiện sau: 1/ chủ ngữ (subject) phải ở ngôi thứ nhất, số ít; 2/ thì (tense) ở hiện tại; 3/ thể (voice) chủ động; 4/ thức (mood) thực thi.

Động từ ngôn hành *trì hoãn* trong tiếng Anh là "postpone". Theo Từ điển Oxford⁽⁶⁾, đồng nghĩa với "postpone" là "delay", "wait", "hang on", "hold"... Tuy nhiên, việc các động từ trên có thực hiện chức năng ngôn hành *trì hoãn* hay không sẽ cần được phân tích cụ thể dưới đây.

Hãy xem xét hai ví dụ sau:

(1) Hermonie nói với Ron:

"And then you can come back in!" she shouted after her as she ran up the steps after Tonks. "You've got to come back!"

"Hang on a moment!" said Ron sharply. "We've forgotten someone!"

("Và sau đó em có thể trở về lại!") Nó hét theo sau cô bé khi cô bé chạy lên cầu thang nói bước cô Tonks. "Em phải trở về lại đó".

"Chờ một chút!" Ron đột ngột nói. "Tội mình còn quên ai đó!"⁽⁷⁾.

(2) When the bell rang, everyone gathered up their things and headed for the door, Harry among them, but...

"Wait a moment, Harry," Lupin called. "I'd like a word."

(Khi chuông reo hết tiết, mọi người lo thu dọn đồ đạc của mình rồi kéo nhau ra cửa, Harry cũng vậy, chen lẫn trong đám bạn, nhưng giáo sư Lupin gọi:

"Chờ thầy một chút Harry, thầy có điều muốn nói với con")⁽⁸⁾.

Trong ví dụ (1), phát ngôn "Hang on a

moment! We've forgotten someone!"

(Chờ một chút! Tội mình còn quên ai đó) là phát ngôn có hiệu lực trì hoãn, Ron dùng phát ngôn này nhằm làm chậm lại việc Hermione chạy sau cô Tonks để trở vào phòng; ở ví dụ (2): thầy giáo Lupin đã trì hoãn việc ra về của Harry bằng phát ngôn "Wait a moment, Harry," Lupin called. "I'd like a word." (Chờ thầy một chút Harry, thầy có điều muốn nói với con. Rõ ràng, 2 phát ngôn: "Hang on a moment!" và "Wait a moment, Harry," đều đạt mục đích giao tiếp trì hoãn. Nhưng cả 2 phát ngôn này đều ở dạng thức mệnh lệnh, bắt đầu bằng một động từ. Nếu diễn giải ra, "Hang on a moment!" trong ví dụ (1) có thể hiểu là "you hang on a moment", nghĩa là trì hoãn hành động chạy theo thầy giáo của H (Hermione) chứ không phải là của S (Ron). Ở đây, không thể nói "I hang on a moment" được. Xét ở ngôi giao tiếp trong trường hợp (1) thì "you" không phải là ngôi thứ nhất. Tương tự, ở ví dụ (2) "Wait a moment, Harry," có thể được hiểu là "Harry, you wait a moment". Những phát ngôn mệnh lệnh trên chỉ có thể sử dụng với chủ ngữ ở ngôi thứ hai chứ không thể sử dụng với chủ ngữ ở ngôi thứ nhất (I). Điều này đã vi phạm một trong ba điều kiện của Austin về ĐTNV: chủ ngữ ở ngôi thứ nhất, thì hiện tại và thức thực thi.

Hãy xét tiếp ví dụ khác: Trong đoạn hội thoại giữa nhân vật bác sĩ Watson và Sherlockhomes về một vụ án:

(3) "Mr Mortimer Tregennis died during the night, and with exactly the same

⁽⁶⁾ Cambridge Advanced Learner's Dictionary (2003). Cambridge University Express.

⁽⁷⁾ J. K. Rowling (2007), *And the Deathly Hollows*. Reinforce library edition, tr.625.

⁽⁸⁾ J. K. Rowling (2007), *And the Prisoner of Azkaban*. Reinforce library edition, tr.186.

symptoms as the rest of his family.
Holmes sprang to his feet, all energy in an instant.

"Can you fit us both into your dog - cart?"

"Yes, I can."

"Then, Watson, we will postpone our breakfast. Mr Roundhay, we are entirely at your disposal. Hurry hurry, before things get disarranged".

[The Adventure of the Devil's Foot,
 Conan Doyle]

(“Ông Mortimer Tregennis bị chết từ trong đêm, các triệu chứng giống hệt các thành viên còn lại trong gia đình” Holmes bắt ngờ tuyên bố.

“Xe của ông có thể chở được cả hai chúng tôi không?”

“Được, được chứ”

“VẬY, Watson, **chúng ta sẽ hoãn bữa sáng lại**. Ông Roundhay, chúng tôi đã rất sẵn sàng lên xe. Nhanh lên, nhanh lên, trước khi hiện trường bị xáo trộn”).

Trong ví dụ nêu trên, để dàng nhận ra rằng ĐTNH “postpone” trong phát ngôn **“we will postpone our breakfast”** (chúng ta hãy hoãn bữa sáng lại) không được thực hiện với chức năng ngôn ngữ hành do không thỏa mãn hai điều kiện: ngôi thứ nhất, số nhiều (we) và thì tương lai (will). Điều này có nghĩa là ĐTNH “postpone” cũng không được thực hiện chức năng ngôn ngữ hành.

Trên thực tế, qua khảo sát, chúng tôi phát hiện ra rằng không có ĐTNH *tri hoãn* nào trong tiếng Anh thỏa mãn điều kiện của Austin về hiệu lực ngôn ngữ hành. Như vậy, các ĐTNH *tri hoãn* không bao giờ thực hiện chức năng ngôn ngữ hành. Đây chính là đặc điểm khu biệt của HĐNN *tri hoãn*.

3.2. Các từ ngữ chỉ khoảng thời gian chuyên dụng

Các từ ngữ chỉ khoảng thời gian chuyên dụng trong HĐ *tri hoãn* bao gồm:

“later”, “in a munite”, “one moment, please!”, “not now”, “just a moment”, “just a minute”.

Theo từ điển Oxford Advanced Learner's Dictionary⁽⁹⁾, “later” nghĩa là “at a time in the future, after the time you are talking” (“later” nghĩa là lúc nữa, lúc khác); “a munite” là a very short time, giới từ “in” đi cùng thời gian chỉ thời gian trong tương lai, “in a munite” là khoảng thời gian ngắn trong tương lai; “one moment, please” nghĩa là “please wait a short time” (vui lòng chờ trong giây lát). “not now” nghĩa là không phải lúc này/bây giờ. Như vậy, các từ ngữ trên đều mang nghĩa làm chậm lại việc gì đó, hoặc lùi việc gì đó đến thời gian khác trong tương lai.

Theo khảo sát của chúng tôi, nhóm các từ ngữ chỉ khoảng thời gian thời gian chuyên dụng thường đứng đầu câu ở thức câu mệnh lệnh - phát ngôn có duy nhất một từ/ ngữ có chức năng ngăn cản hoặc tạm dừng một HĐ nào đó đang hoặc sắp diễn ra. Ngoài ra, chúng thường đi cùng với các ĐTNH *tri hoãn* nhằm làm tăng tính thuyết phục của HĐ *tri hoãn* của S.

Ví dụ:

(2) *"I can't tell you that," said Harry. "Sorry, Bill".*

The kitchen door opened behind them; Fleur was trying to bring through more empty goblets.

"Wait," Bill told her. "Just a moment".

She backed out and he closed the door again.

(“Em không thể nói với anh điều đó,” Harry nói “Em rất xin lỗi, anh Bill à”.

⁽⁹⁾ Cambridge Advanced Learner's Dictionary (2003), Cambridge University Express.

Cánh cửa nhà bếp mở ra sau lưng hai người, chị Fleur đang cố gắng đem vô thêm mấy cái ly rượu đã cạn.

“Khoan,” anh Bill nói. “Em chờ tí” Chị lùi ra và anh đóng cửa lại⁽¹⁰⁾.

Khi chị Fleur muốn đem vô thêm mấy cái ly thì bị Bill giữ lại “Wait, just a moment” (“Khoan, em chờ một tí.”). S đã trì hoãn hành động mang thêm mấy cái ly của H bằng phát ngôn “khoan, chờ em một tí”. ở trường hợp này ngoài ĐTNH “wait” (đợi) có thêm sự xuất hiện của từ chỉ khoảng thời gian mang tính ước lệ “a moment” (một lát) nhằm khẳng định việc đưa ra HD trì hoãn này chỉ mang tính tạm thời. H dễ dàng đồng ý hơn khi mặc định hiểu rằng việc trì hoãn này hay việc bị cắt ngang này không phải quá dài, nó sẽ sớm được thực hiện trở lại thôi.

3.3. Các kiểu kết cấu của hành động ngôn ngữ trì hoãn

Các động từ và từ ngữ chuyên dụng ở phần trên là những thành tố cơ bản để cấu tạo nên các kiểu kết cấu câu biểu đạt HD trì hoãn. Trong phạm vi ngữ liệu khảo sát, các kiểu kết cấu phổ biến của HD trì hoãn trong tiếng Anh bao gồm: câu mệnh lệnh; câu trần thuật và câu hỏi đuôi.

(i) Kết cấu câu mệnh lệnh

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi khái quát mô hình của các kiểu kết cấu câu mệnh lệnh như sau:

Công thức 1: V(verb)/ N(noun - danh từ chỉ khoảng thời gian)

hoặc Not N(noun - danh từ chỉ khoảng thời gian)

(3) “Where are we?” Harry asked, but Lupin said quietly, “In a minute”.

(“Chúng ta đang ở đâu?”).

Harry hỏi, nhưng Lupin lặng lẽ trả lời, “Chút xíu nữa đã”⁽¹¹⁾.

Công thức 2: V/N + a munité/ one moment

Công thức 3: V/N + mệnh đề bổ sung

Kiểu kết cấu câu theo công thức 3 thực chất là kết cấu mở rộng của kết cấu công thức 1 và công thức 2. Theo kết quả khảo sát, trì hoãn theo mô hình này được sử dụng nhiều nhất. Mệnh đề bổ sung có thể là: mệnh đề giải thích, điều kiện, hoặc trấn an H. Đây là chiến lược phổ biến nhất, chiếm 71% trong khảo sát. Ví dụ:

(4) *The class began to leave. Harry returned to the back of the room, where Ron and Hermione were waiting.*

“Ready?” Harry muttered,

“Wait till everyone’s gone,” said Hermione nervously. “All right...”

(Cả lớp bắt đầu túa ra cửa. Harry quay về cuối phòng nơi Ron và Hermione đang ngồi đợi Harry thì thảm: Sẵn sàng chưa?)

Hermione lo lắng: Chờ mọi người ra hết đã. Được rồi...⁽¹²⁾.

(5) *“So all that remains,” said Fudge, now buttering himself a second crumpet, “is to decide where you’re going to spend the last three weeks of your vacation. I suggest you take a room here at the Leaky Cauldron and”.*

“Hang on,” blurted Harry. “What about my punishment?” Fudge blinked.

(Ông Cornelius Fudge lại trét bơ lên miếng bánh xốp thứ nhì:

“Thành ra tất cả vấn đề còn lại là quyết định xem cháu sẽ ở đâu trong ba tuần còn

⁽¹⁰⁾ J. K. Rowling (2007), *And the Deathly Hollows*, Reinforce library edition, tr.516.

⁽¹¹⁾ J. K. Rowling (2007), *Order of Phoenix*, Reinforce library edition, tr.57-58.

⁽¹²⁾ J. K. Rowling (2007), *And the Champer of Secrets*, Reinforce library edition, tr.162

lai của mùa hè này. Tôi đề nghị cháu hãy ở lại đây, thuê một phòng trọ trong quán Cãi Vạc Lũng này, và..."

Harry buột miệng: "Khoan đã, còn hình phạt của cháu thì sao?"⁽¹³⁾.

Trong các ví dụ (4), (5) luôn có một hành động phụ thuộc đi kèm hành động chủ hướng tri hoãn. Hành động phụ thuộc này có thể là: (1) lời yêu cầu "*Wait till everyone's gone,*" (chờ cho đến khi mọi người đi đã), (2) lời đề nghị "*Hang on, what about my punishment?*" (Khoan đã, còn hình phạt của cháu thì sao?) (3) lời giải thích kèm lý do "*Hermione, how do I get rid of these chains?*" - "*Wait, I'm trying something up here* -" ("Hermione, làm sao cởi bỏ những xiềng xích này?" - "Chờ tí, mình đang bận tay trên này..."). Chiến lược giao tiếp này nhằm mục đích xoa dịu H, tìm kiếm sự ủng hộ của H. Đây chính là cơ sở để HD trì hoãn của S dễ dàng nhận được sự chấp nhận và đồng ý của H. Như vậy, với mong muốn HD trì hoãn của mình thành công, S bao giờ cũng chuẩn bị cho mình những lý do hoặc lời thông báo hay đề nghị để lập luận cho việc đưa ra HD trì hoãn của S là có căn cứ, thuyết phục.

(ii) Kết cấu trần thuật: S + V + O

(6) "*You need the hospital wing. There may be a certain amount of scarring, but if you take dittany immediately we might avoid even that... Come...*"

He supported Malfoy across the bathroom, turning at the door to say in a voice of cold fury.

"*And you, Potter... You wait here for me*".

("Cậu cần đến phòng y tế ngay. Có thể sẽ để lại khá nhiều sẹo, nhưng nếu dùng cây bạch tiễn ngay lập tức có thể điều đó cũng ngăn chặn được... Đi nào...")

Ông giúp Malfoy đi ra khỏi nhà vệ sinh, và dừng ngay cửa, quay lại lạnh lùng nói với Harry, giận giữ: "Còn cậu, Potter... Đợi tôi ở đây"⁽¹⁴⁾.

Chủ ngữ "you" trong phát ngôn "...*You wait here for me*" (ví dụ 6) hoàn toàn có thể vắng mặt được. Tuy nhiên sự có mặt "you" nhằm nhấn mạnh "chính là con chứ không phải ai khác".

(iii) Kết cấu câu hỏi: V + S, will you?

Đây là kiểu câu mệnh lệnh láy đuôi. Kết cấu này nhằm biểu đạt HD trì hoãn có tính chất thăm dò. S dùng câu hỏi đuôi với mục đích đưa ra lời yêu cầu, đề nghị H làm việc gì đó. Động từ tình thái "will you" có tác dụng làm tăng tính lịch sự của HD trì hoãn. S mong muốn HD trì hoãn của mình dễ dàng được H chấp nhận. Ví dụ:

(7) "*We haven't been down to visit Haghd yet,*" said Harry.

"*Okay,*" said Ron, "*just as long as he doesn't ask us to donate a few fingers to the skrewts*".

A look of great excitement suddenly dawned on Hermione's face.

"*I've just realized I haven't asked Hagrid to join S.P.E.W. yet!*" she said brightly.

"*Wait for me, will you, while I nip upstairs and get the badges?*".

(Harry nói: "Lâu lắm rồi tụi mình chưa xuống thăm bác Hagrid".

"Được thôi." Ron đồng ý, "miễn là bác ấy đừng có biểu tụi mình hiến mấy ngón tay cho tụi Quái tôm là được".

Một cái nhìn cực kỳ phấn khởi thốt nhiên hiện ra trên gương mặt Hermione, cô bé reo lên sung sướng: "Mình mới nghĩ

⁽¹³⁾ J. K. Rowling (2007), *And the Prisoner of Azkaban*, Reinforce library edition, tr.44.

⁽¹⁴⁾ J. K. Rowling (2007), *And the half Blood Prince*, Reinforce library edition, tr.343.

ra... Minh chưa để nghị bác Hagrid gia nhập H.V.D.C.Q.L.G.T. Máy bồ chờ mình được không? Minh chạy ù lên lầu lấy máy cái huy hiệu"⁽¹⁵⁾.

Ở ví dụ (7), Ron và Hermione đã đồng ý với đề nghị của Harry về việc đi thăm bác Hagrid. Trước khi các bạn bắt đầu đi thăm bác Hagrid, Hermione đã chột nhó ra cái huy hiệu và để nghị các bạn "Wait for me, will you" (Máy bồ chờ mình được không?). Hermione mong muốn tìm được sự tán đồng của các bạn bằng việc sử dụng câu hỏi đuôi "will you" (được không). Trước tâm trạng "phấn khởi" của cả H, S dễ dàng đạt được mục đích tri hoãn của mình.

Như vậy, các kiểu kết cấu của biểu thức ngôn hành tri hoãn vừa đề cập ở trên trong khảo sát khá hạn chế, chủ yếu là kết cấu câu cầu khiến, chiếm 94,5%, Các dạng kết cấu trong câu cầu khiến cũng rất hạn chế, duy nhất chỉ có 3 loại, cả 3 loại kiểu câu công thức khá tương đồng nhau: câu mệnh lệnh, câu trần thuật, câu hỏi đuôi. Trên thực tế, kết cấu câu cầu khiến trong tiếng Anh rất đa dạng, chẳng hạn: 1/ *Why don't we ...?*; 2/ *Let's + V*; 3/ *Do + Verb*; 4/ *Don't + Verb*; 5/ *Isn't it better to + V ...? ... It's better to + V...* Chúng tôi sẽ tiếp tục nhận diện biểu thức ngôn hành tri hoãn qua các kiểu kết cấu này ở những nghiên cứu tiếp theo.

4. Kết luận

Tóm lại, trên đây chúng tôi đã tiến hành xem xét và phân tích một số cách biểu đạt của biểu thức ngôn hành tri hoãn. Các cách biểu đạt này chính là cơ sở giúp phân biệt HDNN tri hoãn với HDNN khác. Việc nghiên cứu ngôn ngữ dưới góc độ dụng học sẽ góp phần tìm hiểu thêm lý luận để nâng cao hiệu quả

trong công tác dạy - học tiếng nước ngoài ở Việt Nam, và ứng dụng vào công tác dịch thuật.

Từ kết quả khảo sát này, chúng tôi mong muốn tiếp tục tìm hiểu các dấu hiệu ngôn hành của HDNN tri hoãn trong tiếng Anh một cách đầy đủ. Đồng thời, cũng mong muốn nghiên cứu so sánh đối chiếu HDNN tri hoãn trong tiếng Anh với HDNN tri hoãn trong tiếng Việt để thấy được sự tương đồng và khác biệt của hai nền văn hóa trong việc sử dụng về các chiến lược tri hoãn trong giao tiếp, nâng cao hiệu quả giao tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (2010), *Đại Cương ngôn ngữ học, Tập 2*, Nxb. Giáo dục (Tái bản lần thứ 5).
2. Nguyễn Đức Dân (2000), *Ngữ dụng học, Tập 1*, Nxb. Giáo dục.
3. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Dụng học Việt ngữ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Viện ngôn ngữ học (1997), *Từ điển Việt-Anh*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
5. website: www.bachkhoatrithuc.vn/encyclopedia.
6. Austin, J. L. (1962). *How to Do Things with Words*, Oxford: OUP.
7. Cambridge Advanced Learner's Dictionary (2003), Cambridge University Express.
8. Searle, J. (1969), *Speech Acts*, Cambridge: CUP.
9. Yule, G. (1996), *Pragmatics*, Oxford: OUP.

⁽¹⁵⁾ J. K. Rowling (2007), *And the Goblet of Fire*, Reinforce library edition, tr.170 - 171